

## GIÁO DỤC Ở TỈNH SON LA THỜI PHÁP THUỘC (1895 – 1945)

Tống Thanh Bình\*

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-11-2016; ngày phản biện đánh giá: 10-11-2016; ngày chấp nhận đăng: 06-01-2017

### TÓM TẮT

*Thời Pháp thuộc, Pháp đã áp dụng những chính sách về giáo dục cho miền núi nói chung và tỉnh Sơn La nói riêng nhằm phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa. Giáo dục ở tỉnh Sơn La thời gian này có những thay đổi nhất định song cũng tồn tại nhiều hạn chế. Bài viết đề cập thực trạng giáo dục ở tỉnh Sơn La trong giai đoạn này, từ đó đánh giá tác động của nền giáo dục đến kinh tế, xã hội tỉnh Sơn La thời Pháp thuộc.*

**Từ khóa:** giáo dục Pháp – Việt, giáo dục tỉnh Sơn La, thời Pháp thuộc.

### ABSTRACT

#### *Son La education in the French colonial period (1895 – 1945)*

*In French colonial rules, the French had policies for education in mountainous provinces in general and Son La in particular to serve the colonial exploitation. Son La education had certain changes in this time, but there existed many limitations. This article will focus on the education's reality of Son La in this period including the impact assessment of education on the Son La's economy, society of French colonial period.*

**Keywords:** France – Vietnam education, Son La education, French colonial period.

### 1. Những yếu tố tác động tới nền giáo dục tỉnh Sơn La thời Pháp thuộc

Sơn La là vùng đất nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam, nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống. Địa hình tỉnh Sơn La mang đặc trưng địa hình miền núi, giao thông đi lại khó khăn. Hệ thống giao thông đường sắt không được đầu tư, giao thông đường bộ được xây dựng muộn. Tuyến đường 41 (nay là Quốc lộ 6) mặc dù được thi công từ cuối thế kỉ XIX [13] nhưng đến năm 1917 yêu cầu mở tuyến Suối Rút (Hòa Bình) – Sơn La mới được đặt ra [14] và cơ bản hoàn thành vào năm 1933 với hơn 200 km đường rải đá [10]. Giao thông đường thủy hoạt động không ổn định, có lúc

ngừng trệ từ 3 đến 5 tháng vì mưa lũ.

Sự giao lưu, tiếp xúc giữa người miền xuôi với miền núi rất ít diễn ra do sự khác biệt văn hóa và tâm lí ngại di chuyển tới sinh sống và làm việc ở vùng “*rừng thiêng nước độc*”. Theo thống kê của Pháp, mật độ dân số của các vùng lân cận tỉnh Sơn La thời điểm đó là từ 0 - 4 người/km<sup>2</sup> và riêng châu Sơn La là 4 đến 10 người/km<sup>2</sup> [7]. Theo số liệu năm 1943, cơ cấu dân số phân theo các nhóm dân tộc ở Sơn La như sau: dân tộc Kinh chiếm 0,84%, các dân tộc ít người chiếm 99,14%, người Pháp chiếm 0,02%. [4, tr.43 - 46]

Về đời sống kinh tế, xã hội, dân cư nơi đây đa số là dân tộc Thái, ngoài ra còn

\* Trường Đại học Tây Bắc; Email: tongbinhnwuni@gmail.com

có dân tộc Kinh, Mông, Kháng, Xinh Mun, Khơ Mú, La Ha, Tày, Hoa, Lào, Dao, Mường. Đa số các dân tộc đang ở tình trạng kém phát triển, kinh tế nghèo nàn, việc học tập chỉ dành cho những gia đình có điều kiện.

Việc tổ chức bộ máy cai trị tại đây chủ yếu bằng lực lượng thổ tù do các dòng họ quý tộc phong kiến Thái, Mông... nắm quyền. Trước đây, triều đình áp dụng chế độ thổ quan cho các vùng miền núi biên viễn, nên các đại tri châu và tri châu đều do các thủ lĩnh địa phương nắm giữ. Tuy nhiên, chế độ này bộc lộ nhiều bất cập do năng lực của các thổ quan có hạn, lợi dụng việc ở xa, một số thủ lĩnh địa phương ra sức bóc lột, nhũng nhiễu nhân dân, thậm chí họ còn nổi dậy chống lại triều đình. Vì thế, cuối thế kỉ XIX, nhà Nguyễn đặt chế độ lưu quan mà không dùng thổ quan ở các châu thuộc phủ Gia Hưng, trừ châu Thuận và châu Sơn La.

Mặc dù chưa tìm thấy những tài liệu ghi chép về việc học hành của con em tầng lớp thống trị ở Sơn La nhưng để có những “vua Thái, vua Mèo” thời đó, chắc hẳn trong các gia đình có thế lực đã có một hình thức giáo dục bài bản. Từ một số cơ sở sau đây, chúng tôi nhận định đã tồn tại một nền giáo dục không qua trường lớp tại các châu, mừng ở Sơn La.

Đó là sự tồn tại của chữ viết của dân tộc Thái - sản phẩm trí tuệ tinh hoa của dân tộc này ra đời khoảng thế kỉ X, tồn tại đến tận ngày nay. Điều đó có nghĩa là nó được một bộ phận người Thái dạy dỗ, truyền lại cho con cháu dù không nhiều. Hơn nữa,

dân tộc Thái có đời sống vật chất, tinh thần vô cùng phong phú, trong đó, hệ thống ca dao, tục ngữ Thái là một kênh giáo dục vô cùng giá trị. Đó là chưa kể đến bộ phận “mo, chang” – những người rất am hiểu về lịch sử và có uy tín trong các hoạt động tâm linh. Ngoài ra, sự ham hiểu biết của người Thái thể hiện qua việc “sinh con trai, vật đặt cạnh đứa bé trai trong lễ sơ sinh là một cuốn sách cổ cùng với tay chày hoặc chiếc cung tên. Bên đứa bé gái dịp này cũng đặt sách cổ với chiếc quạt nan và chiếc cung bặt bông” [5, tr.111] cho thấy sự trọng chữ nghĩa của đại bộ phận dân cư. Đặc biệt là sự ưu đãi của nhà nước cho nho sinh là người dân tộc. Họ được đặc cách hưởng tiêu chuẩn “Cống sinh” về Quốc tử giám học tập mà không cần phải qua các kì thi khảo hạch ngặt nghèo như nho sinh người Kinh. Vài năm sau không cần phải qua kì thi Hội họ cũng được lựa chọn rồi bổ nhiệm về địa phương giữ chức Thổ tri châu hoặc Thổ tri huyện hoặc làm giáo chức.

Có thể nói, thời phong kiến, ở Sơn La, giáo dục dân gian chiếm ưu thế, giáo dục nhà trường chưa được thiết lập, đại bộ phận người dân mù chữ. Đây là một khó khăn lớn đối với Pháp khi thiết lập ách cai trị tại đây.

Đầu thế kỉ XX, nền giáo dục Hán học vẫn thịnh hành và chiếm ưu thế, bên cạnh đó đã xuất hiện trường Pháp – Việt sơ khai ở một số tỉnh thành. Năm 1905, Tổng Nha học chính Đông Dương được thành lập, năm 1906, Bộ Học chính Tổng quy được ban hành đã đánh dấu sự xác lập chính

thức của nền giáo dục Pháp – Việt. Trong lần cải cách giáo dục lần thứ nhất do Paul Beau đề xuất năm 1904, nền giáo dục Việt Nam có 3 bộ phận là giáo dục Bản xứ, giáo dục Pháp - Việt, giáo dục Pháp. Cải cách lần hai được cụ thể hóa qua Bộ Học chính Tổng quy (1917) do Albelt Sarraut kí, sự thay đổi lớn nhất của cuộc cải cách này là việc xóa bỏ hẳn nền giáo dục Nho học, thay vào đó là sự tồn tại của hai loại trường: trường Pháp và trường Pháp - Bản xứ (ở Việt Nam thì gọi là trường Pháp - Việt). Trong những năm 1924 - 1930, giáo dục Pháp - Việt tiếp tục có những điều chỉnh. Đáng chú ý là chủ trương phát triển giáo dục theo chiều ngang của Merlin (1924), chuyển trọng tâm sang bậc tiểu học, mở rộng giáo dục làng xã. Tiếp đó là cải cách của Varenne (1926), theo đó, một loại trường công kiểu mới được tổ chức là trường Sơ học hương thôn. Theo cải cách của Varenne, giáo dục Pháp – Việt chia thành 5 bậc học: bậc học Sơ học bản xứ, bậc Tiểu học, bậc Cao đẳng Tiểu học, bậc Trung học Pháp – Việt, bậc Cao đẳng (Đại học). Từ 1930 đến 1945, giáo dục có những sửa đổi nhưng không nhiều, bậc tiểu học được thể chế hóa giao cho triều đình Huế quản lí, bậc trung học được bổ sung chương trình do Nha Học chính Đông Dương quản lí [2, tr.191], bậc đại học mở rộng và củng cố. Về cơ bản, nền giáo dục Việt Nam đã hoàn chỉnh hơn trước.

Chính sách giáo dục là một trong những yếu tố quan trọng tác động tới giáo dục cả nước nói chung và giáo dục Sơn La nói riêng. Hệ thống giáo dục Pháp – Việt ở

Sơn La được mở rộng hơn so với các tỉnh khác nhưng giáo dục Sơn La cũng chịu sự chi phối sâu sắc của những thay đổi trong chính sách giáo dục của Pháp. Trường lớp theo mô hình giáo dục Pháp – Việt được mở từ năm 1917 [3, tr.74], tuy chưa đồng bộ và còn nhiều hạn chế nhưng không thể phủ nhận giáo dục Sơn La giai đoạn này đã có những chuyển biến nhất định so với giai đoạn trước.

## **2. Giáo dục Sơn La thời Pháp thuộc**

### **2.1. Quá trình Pháp xâm lược tỉnh Sơn La**

Năm 1882, trong lần tiến đánh Bắc Kỳ lần 2, sau khi chiếm được thành Hà Nội, Pháp mở rộng tiến đánh các tỉnh phía Bắc trong đó có tỉnh Hưng Hóa. Đến ngày 12 tháng 4 năm 1884, Pháp chiếm được thành. Năm 1886, Tổng trú sứ Trung – Bắc Kỳ đã ra nghị định chuyển châu Sơn La thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa thành một cấp tương đương cấp tỉnh nhưng đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của một sĩ quan với cương vị Phó công sứ. Tháng 4 năm 1888, về cơ bản, thực dân Pháp đã chiếm được khu vực trung tâm của Sơn La và bắt đầu tiến hành xây dựng bộ máy cai trị. Ngày 20 tháng 8 năm 1891, Toàn quyền Đông Dương đã ban hành nghị định đưa địa hạt Sơn La vào địa bàn của Đạo Quan binh thứ 4, thủ phủ đặt tại Sơn La để đối phó với tình trạng bất ổn tại đây. Ngày 27 tháng 02 năm 1892, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định lập một Tiểu quân khu trực thuộc Đạo quan binh thứ tư Sơn La. Thủ phủ của Tiểu quân khu này đặt ở Vạn Bú nên gọi là tiểu quân khu Vạn Bú. Đặc biệt, ngày 10

tháng 10 năm 1895, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuyển Tiểu quân khu Vạn Bú thuộc Đạo quan binh số 4 thành vùng đất chế độ dân sự, thay thế quan chủ tỉnh từ một viên sĩ quan quân đội (Norminot) bằng một phái viên chính phủ bảo hộ (M. Caillat). Sự kiện này là mốc đánh dấu sự ra đời chính thức của đơn vị hành chính tỉnh Sơn La. [3, tr.51]

### **2.2. Giáo dục Sơn La thời Pháp thuộc**

Sơn La là vùng đất có vị trí hết sức quan trọng của vùng Tây Bắc, vì thế, mục đích chính của Pháp chính là kiểm soát được vùng đất này để ổn định tình hình vùng miền núi biên giới Tây Bắc. Vì giao thông khó khăn nên việc đầu tư cho công cuộc khai thác thuộc địa ở Sơn La rất hạn chế, nhu cầu đào tạo đội ngũ công nhân phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa không lớn như miền xuôi, đó chính là một trong những lí do khiến giáo dục Sơn La không được chú ý như một số tỉnh thành khác. Mục đích của Pháp chính là đào tạo một đội ngũ giúp việc cho bộ máy chính quyền, chủ yếu là đào tạo thông ngôn và nhân viên cho Tòa Công sứ.

Giáo dục Sơn La cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX hầu như chưa được đầu tư, trong khi ở các tỉnh miền núi phía Bắc khác như Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái đã có trường dạy chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. “Năm 1908, các trường tiểu học đã được thành lập ở nhiều tỉnh lỵ, trừ các tỉnh Vĩnh Yên, Yên Bái, Thái Nguyên, Chợ Bờ, Sơn La” [2, tr.70]. Từ năm 1924 trở đi, với chủ trương phát triển giáo dục theo chiều ngang của toàn quyền Merlin [2, tr.155] thì

những trường miền núi, trong đó có Sơn La, mới có nhiều chuyên viên.

Giáo viên giảng dạy tại các trường miền núi bao gồm giáo viên được đào tạo từ Ban sư phạm miền núi thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội và những người địa phương có trình độ cao dạy cho các lớp thấp hơn. Tuy nhiên, số giáo viên được đào tạo không đáp ứng được nhu cầu của các trường. Ở Sơn La, số giáo viên phụ trách ở các trường rất ít, họ vừa giảng dạy, vừa phụ trách các công việc khác. Theo thống kê từ tài liệu lưu trữ, trong hai năm 1926 – 1927, tổng số giáo viên phụ trách lớp, trợ giáo, giáo viên nghề và thư kí giúp việc là 15 người [10] trên tổng số 5 trường học với 439 học sinh; đến năm 1928, có 16 người phụ trách 6 trường ở Sơn La, Mai Sơn, Thuận Châu, Mộc Châu, Vạn Yên, Quang Huy [9]. Trong khi đó, năm 1930, ở Lạng Sơn đã có 56 trường công với 11 giáo viên chính thức, 53 trợ giáo, 3 nữ trợ giáo và 13 tổng sư [1, tr.38]. Hầu hết, giáo viên miền xuôi lên gặp rất nhiều khó khăn do sự bất đồng ngôn ngữ. Vì có ít giáo viên nhưng phải dạy học trên một địa bàn rộng nên đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng dạy và học.

Về số lượng học sinh, năm 1923, số học sinh hệ tiểu học Pháp – Việt ở Sơn La là 550, trong đó số lượng từng lớp như sau: lớp đồng ấu: 336, lớp dự bị: 137, lớp sơ đẳng: 27, lớp trung đẳng 13, lớp cao đẳng: 7 [15]. Con số này cho thấy, càng học lên cao thì tỉ lệ học sinh càng giảm.

Theo số liệu trong cuốn *La Pénétration scolaire dans le minorités ethniques*, tổng số học sinh của tỉnh Sơn La

năm 1930 là 480 [6, tr.12]. Số lượng này không phải là cao nếu so sánh với các tỉnh miền núi phía Đông Bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, nhưng lại là tỉnh có số

lượng học sinh cao hơn so với các tỉnh Tây Bắc như Hòa Bình, Lai Châu, Lào Cai (xem Bảng 1).

**Bảng 1. Số học sinh các dân tộc thiểu số miền núi Bắc Kỳ**

Tỉnh	Kinh	Thổ	Mường	Mán	Mèo (Mông)	Lô Lô	Nùng	Hoa	Dân tộc khác	Tổng
Bắc Kạn	232	924	-	12			29	51	3	1.251
Cao Bằng	689	2.014	-	7	-	-	359	174	75	3.318
Hà Giang	55	71	-	2	2	-	7	10	-	147
Hải Ninh	586	35	-	3	-	-	165	17	3	809
Hòa Bình	136	3	115	-	-	-	-	1	-	255
Lai Châu	14	59	-	-	-	1	-	14	1	89
Lạng Sơn	591	1.797	-	1	-	-	428	69	9	2.895
Lào Cai	157	109	-	6	7	-	56	39	29	403
Sơn La	8	364	75	4	3	-	-	26	-	480
Tuyên Quang	443	50	-	1	-	-	18	25	-	537
Thái Nguyên	1.047	175	-	1	-	-	23	47	-	1.293
Yên Bái	614	689	21	3	-	-	25	26	-	1.378
Tổng	4572	6290	211	40	12	1	1110	499	120	12.855

*Nguồn: [6, tr.12]*

Dân tộc Thổ ở Sơn La trong bảng 1 có thể hiểu là dân tộc Thái – một dân tộc đồng nhất tỉnh Sơn La. Cũng cần lưu ý một đặc điểm chung của các trường học ở hầu hết các tỉnh miền núi là việc mở lớp thường gộp học sinh thuộc các thành phần dân tộc khác nhau. Do số lượng người Kinh, người Hoa ở Sơn La chiếm tỉ lệ rất ít nên họ học chung lớp với học sinh người dân tộc. Năm 1935 – 1936, tổng số học sinh cả tỉnh là 485 [11], với số dân 103.000 người theo số liệu thống kê năm 1936 [4, tr.37], tỉ lệ người được đi học chỉ chiếm khoảng 0,5%, còn lại 99,5% dân số mù

chữ. Việc đi học của học sinh miền núi gặp nhiều khó khăn, phụ huynh không ý thức được tầm quan trọng của việc học nên không chú ý đến việc học hành của con cái, trường học lại xa nơi ở nên hầu hết chỉ có trẻ em khu vực trung tâm được đi học.

Về hệ thống trường lớp, theo nội dung cải cách giáo dục lần hai của Albert Sarraut, nền giáo dục ở Đông Dương gồm hai bộ phận: giáo dục phổ thông và giáo dục thực nghiệp (dạy nghề). Hệ thống trường học chia thành hai loại: giáo dục Pháp và giáo dục Pháp – Việt. Ở Sơn La có giáo dục Pháp - Việt và giáo dục thực

ngành. Giáo dục Pháp – Việt bậc phổ thông chỉ tồn tại các lớp hệ tiểu học (Primaire), không có bậc học cao hơn. Từ sau 1918, giáo dục Pháp – Việt tiểu học gồm 2 loại trường: Trường tiểu học kiêm bị trước đây là trường cụ thể tiểu học (Écoles primaires de plein exercice) và trường tiểu học sơ đẳng (écoles primaires élémentaire) [2, tr.134]. Chương trình đào tạo trường tiểu học kiêm bị ở các tỉnh lỵ gồm 5 lớp: đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, trung học, cao đẳng. Hệ tiểu học sơ đẳng chỉ có hai hoặc ba lớp, thường đặt ở cấp xã.

Đầu năm 1917, Pháp mới mở được một trường tiểu học ở tỉnh lỵ Sơn La để dạy chữ quốc ngữ [3, tr.74]. Đến năm 1922, có thêm một trường ở Vạn Yên. Mỗi trường có khoảng 80 học sinh, chủ yếu là con cái chức dịch và gia đình khá giả. Với chủ trương phát triển giáo dục “theo chiều

ngang” của Merlin, chuyển trọng tâm sang giáo dục tiểu học và hệ thống trường làng xã, từ 1924, giáo dục Sơn La có những chuyển biến. Năm 1924, Sơn La có các trường như sau: 1 trường kiêm bị ở tỉnh lỵ, 1 trường sơ đẳng ở Vạn Yên, 1 trường sơ đẳng nữ sinh ở Sơn La, 4 trường được trợ cấp ở Mai Sơn, Thuận Châu, Mộc Châu, Quang Huy và 1 trường được trợ cấp ở Mường La bắt đầu hoạt động từ ngày 01-11-1923 [15]. Bên cạnh hệ thống trường kiêm bị ở tỉnh lỵ, hệ thống trường cấp xã ngày càng tăng về số lượng, từ năm 1935 đến năm 1936, Sơn La có 20 trường cấp xã, phân bố ở tất cả các châu, mường [11]. Tuy gọi là trường nhưng quy mô trường rất nhỏ bé, sơ sài. Chủ yếu gồm vài lớp học, cơ sở vật chất chưa được đầu tư nhiều, các lớp học được xây dựng ở khu vực trung tâm hành chính của tỉnh.

**Bảng 2.** Hệ thống trường cấp xã của tỉnh Sơn La năm 1935 – 1936

Địa điểm mở trường	Số lượng	Số học sinh		Trẻ em	
		Nam	Nữ	Quý tộc	Bình dân
Châu Sơn La	3	19	0	10	9
Châu Mai Sơn	4	56	0	42	14
Châu Thuận	6	133	3	75	61
Châu Yên	2	29	1	30	0
Châu Mộc	3	48	0	13	35
Châu Phù Yên	2	39	0	32	7
Tổng	20	324	4	202	126

*Nguồn: [11]*

Ngoài ra, Pháp còn mở thêm trường dạy nghề từ năm 1922 với vai trò sáng lập của Công sứ Grossin. Mục đích của việc mở trường nghề nhằm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, phục vụ các công việc về mangan kỹ thuật, công nghiệp của địa phương như

đào tạo thợ rèn, thợ mộc, thợ nề nhằm khai thác nguồn tài nguyên và nhân công có sẵn, kích thích thương mại phát triển, tăng cường sự trao đổi với miền xuôi... Giáo viên đứng lớp là những sinh viên đã tốt nghiệp Trường Kỹ nghệ Thực hành Hà Nội

(École des Arts appliqués). Trong những năm 20 của thế kỉ XX, số lượng học sinh trường nghề được duy trì đều đặn, trung bình có khoảng 20 học sinh tham gia các khóa học. Trường có xưởng thực hành và kí túc xá cho học sinh. Trường dạy nghề đôi khi không hoạt động đều đặn do không được trả những chi phí tối thiểu để duy trì. Để giải quyết vấn đề này, ngân sách nhà trường được hỗ trợ 1/3 từ đóng góp của người dân, 1/3 từ ngân sách tỉnh và phần còn lại là từ đóng góp trực tiếp của học sinh khi làm ở các công trường thay cho các cu li. [11]

Năm 1922, Trường Thừa phái được thành lập. Trường có chức năng đào tạo nhân sự hành chính đặc biệt cho vùng thượng du, cung cấp nhân lực cho Tòa công sứ và các châu. Ngày 01-7-1923, có 12 học sinh người Thái, đến ngày 01-7-1926 trường chỉ có 9 học sinh, một số được nhận học bổng. Trường có 1 giáo viên trợ giảng là phụ trách, 1 thư kí lục sự, 1 thư kí làm việc theo mùa vụ và 1 y tá. Chương trình học gồm quản lí hành chính bản xứ Đông Dương và luật An Nam. Học sinh tốt nghiệp Trường Thừa phái có thể được nhận vào làm các công việc hành chính ở Tòa Công sứ.

Về chương trình học, ở bậc tiểu học có các môn: Tiếng Pháp, Tiếng Việt, Toán, Địa lí, Lịch sử, Cách trí, Luân lí, Vệ sinh, Thủ công, Thể dục... Trong đó, môn Tiếng Pháp và Tiếng Việt gồm tập đọc, tập viết, chính tả, làm văn, học thuộc lòng; môn Toán gồm cộng, trừ, nhân, chia, phép đo lường. Sách giáo khoa sử dụng trong nhà

trường là sách ban hành thống nhất trong cả nước được biên soạn từ năm 1925, được Học chính Bắc Kỳ và cơ quan chức năng ở địa phương kiểm duyệt trước khi đưa vào giảng dạy.

Điểm đáng nói trong chương trình dạy học của các trường ở Sơn La đó là việc chữ Thái không được dùng như một ngôn ngữ chính như việc dùng chữ Tày trong một số trường ở Lạng Sơn. Dù Pháp có chủ trương sẽ dùng ngôn ngữ của dân tộc đông nhất địa phương làm ngôn ngữ giảng dạy nhưng điều này không diễn ra ở Sơn La. Đây là một trong những lí do khiến chữ Thái bị mai một, điều này cũng được một số nhà chức trách của Pháp lên tiếng [11]. Hầu hết người dân tộc tại Sơn La thời điểm đó không biết tiếng Kinh và chữ Quốc ngữ, tiếng Pháp mới dùng ở mức sơ đẳng, nên việc học chương trình như miền xuôi đối với họ là một khó khăn lớn. Nhất là việc học sinh sau khi tốt nghiệp tiểu học phải dùng tiếng Pháp như một ngôn ngữ chính trong bậc học cao hơn là một trở ngại. Vì thế, ở Sơn La không có bậc cao đẳng tiểu học như ở Lạng Sơn và các tỉnh miền xuôi.

Về kỉ luật trường học, qua tìm hiểu Quy chế trường học thời thuộc Pháp và qua phỏng vấn cụ Hà Văn Thu, nguyên là học sinh và giáo viên Trường Tiểu học Pháp – Việt những năm 1940 ở Sơn La, có thể hình dung việc tổ chức lớp học được thực hiện rất khoa học và nghiêm ngặt. Học sinh đi học phải mặc đồng phục đúng quy định, mang đồ dùng học tập, trước khi tới lớp phải chuẩn bị bài ở nhà, nếu vi phạm sẽ bị kỉ luật với nhiều mức độ khác nhau. Giờ

học được quy định học cả tuần trừ thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, thứ năm học 1 buổi sáng, chiều là giờ thực hành hoặc đi thực tế. Buổi sáng học từ 6 đến 11 giờ, chiều từ 1 giờ đến 6 giờ. Hàng tuần, lịch chào cờ vào thứ 2, học sinh nào vi phạm kỉ luật sẽ bị đứng ngoài hàng.

Về thi cử, sau khi học xong chương trình ở cấp sơ đẳng và tiểu học, học sinh phải thi với trình độ tương ứng. Để có bằng Tiểu học Pháp Việt, các thí sinh ở các châu sẽ tập trung về tỉnh lỵ tham gia thi. Các môn thi gồm: thi nói và thi viết, trong đó, thi viết có các môn: chính tả, tập làm văn, toán, chữ viết, vẽ hoặc khâu, thi nói gồm: đọc, hiểu biết, địa lí, lịch sử, dịch. Dựa theo tư liệu về cuộc thi tiểu học Pháp Việt năm 1931 [8], có thể thấy quy trình tổ chức coi thi và chấm thi hết sức nghiêm túc, chặt chẽ của Hội đồng coi thi và chấm thi tại Sơn La. Hội đồng được thành lập theo quyết định của Thống sứ Bắc Kỳ, thành phần hội đồng gồm đại diện tòa công sứ, đội cận vệ địa phương, giáo viên. Việc niêm phong đề thi được tiến hành nghiêm túc, việc bóc đề thi được thực hiện trước sự chứng kiến của thí sinh. Thời gian thi mỗi môn từ 30 phút đến 90 phút. Bài thi được đánh số và rọc phách đảm bảo tính khách quan. Trong cuộc thi này, chỉ có một thí sinh đỗ và được cấp bằng là Hà Văn Án trong tổng số 19 thí sinh tham gia. Trong khi đó, kì thi cấp bằng sơ đẳng bản xứ được tổ chức ở tỉnh lỵ và Vạn Yên năm 1929 thì đỗ 100%. Điều này cho thấy chương trình càng lên cao càng khó và số người học lên cao càng ít.

### 3. Nhận xét về giáo dục Sơn La thời thuộc Pháp

Một trong những nỗ lực của thực dân Pháp là tổ chức tại tỉnh Sơn La nền giáo dục Pháp – Việt phục vụ công cuộc cai trị của chúng tại địa phương. Đó là nền giáo dục Pháp Việt quy mô nhỏ bé, không đồng bộ. Trường tập trung ở tỉnh lỵ, các châu, mừng càng ở khu vực xa trung tâm thì tỉ lệ học sinh đi học càng thấp. Điểm đặc biệt là tại đây đã có trường sơ đẳng nữ sinh dành cho học sinh nữ người Thái với số lượng dao động khoảng 10 người/1 lớp. Tuy gọi là trường nhưng mỗi trường chỉ gồm vài lớp học, đôi khi chỉ 1 lớp/ 1 trường nhưng việc học diễn ra quy củ, nghiêm túc.

Nội dung học có nhiều điểm mới mẻ so với nội dung giáo dục Nho học trước đây. Ngoài môn học chính còn nhiều môn bổ trợ thực sự có ích cho học sinh miền núi vốn xa lạ với những vấn đề gắn với thực tiễn, cung cấp một nguồn nhân lực cần thiết phục vụ các công việc văn phòng và một số lĩnh vực khác cho thực dân Pháp. Tuy nhiên, việc không sử dụng tiếng Thái làm chuyên ngữ để dạy học cũng là một cản trở lớn cho đồng bào dân tộc thiểu số để tiếp thu một lượng lớn kiến thức từ sách vở trong khi đại bộ phận giáo viên miền xuôi lên dạy không biết tiếng dân tộc.

Việc thực hiện nghiêm túc kỉ luật trong trường học đã tạo ý thức tổ chức và làm việc khoa học cho học sinh, thay vì không được đến trường, họ sinh hoạt nền nếp và có tác phong hơn mặc dù số học sinh đến trường chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ, trên



99% dân số vẫn mù chữ và thất học. Việc thi cử cũng được tổ chức quy củ, chặt chẽ, tỉ lệ thi đỗ bậc sơ đẳng tiểu học cao hơn thi tiểu học Pháp - Việt, cho thấy sự nghiêm túc trong thi cử và chất lượng dạy học.

Việc mở trường dạy nghề đã góp phần đào tạo những người thợ có tay nghề, hoạt động trong các lĩnh vực sửa chữa máy móc, mộc, rèn... tất nhiên ở trình độ cơ bản, đáp ứng phần nào nhu cầu tại địa phương. Trên thực tế, việc mua mới hay sửa chữa những thiết bị máy móc vẫn phải chuyển từ miền xuôi lên, số thợ nghề được đào tạo ở Sơn La chưa thực sự phát huy năng lực của mình trong điều kiện một tỉnh công, thương nghiệp không phát triển. Tương tự như vậy, trường thừa phái được mở ở Sơn La cũng chỉ đáp ứng một phần yêu cầu của bộ máy chính quyền, số người bản xứ tham gia chính quyền các cấp từ tỉnh đến huyện chủ yếu phụ trách các công việc đơn giản như thư kí, phiên dịch, chạy bàn giấy, thậm chí làm việc theo mùa vụ.

Mặc dù có những chuyển biến nhất

định trong giáo dục nhưng những thay đổi đó không đáng kể và chưa ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội của tỉnh Sơn La thời Pháp thuộc. Kinh tế vẫn là nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, tự cung tự cấp, xã hội Sơn La vẫn trì trệ, lạc hậu.

#### **4. Kết luận**

Từ thời Pháp thuộc, Pháp đã xây dựng nền giáo dục Pháp - Việt với mong muốn đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công cuộc cai trị của mình. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đã phân tích trên, nền giáo dục ấy còn bộc lộ nhiều hạn chế, đó là một nền giáo dục không đồng bộ, đại bộ phận dân số mù chữ. Việc mở trường lớp chưa đáp ứng yêu cầu xã hội, càng học lên bậc cao, tỉ lệ học sinh càng giảm, trường học của tỉnh chỉ mở đến bậc tiểu học, không có bậc học cao hơn. Thế nhưng chính từ nền giáo dục ấy đã hình thành một bộ phận trí thức có tư tưởng tiến bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, họ đã góp phần làm nên thắng lợi trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại địa phương.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phan Trọng Báu (2005), “Giáo dục vùng dân tộc ít người ở Việt Nam thời Pháp thuộc”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 7, tr.24 – 31.
2. Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp – Việt ở Bắc Kỳ (1884 – 1945)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (2005), *110 năm tỉnh Sơn La (1895 – 2005)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê Việt Nam, (2004), *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỉ XX, tập 1*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. Cầm Trọng (1998), *Văn hóa và lịch sử người Thái*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
6. Direction générale de l’instruction publique, (1931), *La Pénétration scolaire dans les minorités ethniques*, Impr d’extrême – orient, Ha Noi.
7. Direction générale de l’instruction publique, (1931), *Le Tonkin Scolaire*, Impr d’extrême – orient, Ha Noi.

8. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Examen pour l'obtention du Certificat d'études primaires franco-annamites à Son La 1931*, Hồ sơ số RST 505.
9. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Rapport économique de la province de Son La de 1928*, Hồ sơ số RST 365704.
10. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Rapports politiques et économiques mensuels et annuels de la province de Son La de 1926 à 1927*, Hồ sơ số RST 36567-21.
11. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Rapport annuel sur la situation politique générale du 1er Juin 1935 au 31 Mai 1936 de la province de Son La*, Hồ sơ số RST 74292.
12. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Rapport économique de la province de Son La de 1933*, Hồ sơ số RST 74289.
13. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Travaux de la route de Cho Bo à Su Yut et Son La 1892*, Hồ sơ số 7498.
14. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Rapports économiques du 1er semestre 1917 des provinces du Tonkin : Bac Giang, Bac Kan, Ha Giang, Ha Noi, Hai Duong, Hoa Binh, Phuc Yen, Kien An, Nam Dinh, Ninh Binh, Phuc Yen, Phu Tho, Quang Yen, Son La, Thai Binh*, Hồ sơ số RST 72586.
15. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Procès - verbaux des réunions des Conseils provinciaux de Kien An, Lang Son, Laokay, Nam Dinh, Ninh Binh, Quang Yen, Son La, Son Tay, Thai Binh, Thai Nguyen, Tuyen Quang 1924*, Hồ sơ số RST 78524 – 01.